

Số: 581/TB - YDHP

Hải Phòng, ngày 22 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v: Xét miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học tập, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong giáo dục và đào tạo.

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ – YDHP ngày 02/7/2021 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông báo số 383/TB – YDHP ngày 08 tháng 9 năm 2025 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về triển khai kế thực hiện các quy định về học bổng khuyến khích học tập, xử lý học vụ và giải quyết chế độ chính sách sinh viên năm học 2025 – 2026;

Phòng Quản lý Đào tạo Đại học thông báo tới toàn thể sinh viên các thủ tục và quy trình xét miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Đối tượng được miễn học phí

1.1. Các đối tượng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Chủ tịch Quốc hội nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân gồm:

a) Người có công với cách mạng:

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- Liệt sỹ;
- Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;
- Bệnh binh;
- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

- Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;
- Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế;
- Người có công giúp đỡ cách mạng.

b) Thân nhân của người có công với cách mạng bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sỹ.

1.2. Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

1.3. Sinh viên từ 16 đến 22 tuổi đang học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

1.4. Sinh viên hệ cử tuyển.

1.5. Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.6. Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng được giảm học phí

2.1. Giảm 70% học phí

Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Giảm 50% học phí

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

3. Hồ sơ gồm:

3.1. Đối với đối tượng được miễn học phí

3.1.1. Hồ sơ chung:

- Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu) – (Đối với tất cả sinh viên).

3.1.2. Hồ sơ từng đối tượng:

- Giáo viên chủ nhiệm các lớp hoàn thiện phần hồ sơ còn lại theo giấy tờ sinh viên đã nộp từ đầu khoá học/ năm học gồm: giấy khai sinh, giấy xác nhận người có công với cách mạng theo quy định.
- Bản sao công chứng Giấy xác nhận khuyết tật và Quyết định về việc hưởng trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân cấp xã/phường/ đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp đối với đối tượng sinh viên là người khuyết tật.
- Bản sao công chứng Quyết định về việc trợ cấp xã hội hoặc giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do Ủy ban nhân dân cấp xã/phường/ đặc khu trực thuộc cấp tỉnh với đối tượng sinh viên từ 16-22 tuổi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
- Bản sao công chứng Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo năm 2026 do Ủy ban nhân dân cấp xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh cấp cho đối tượng sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- Bản sao công chứng Giấy xác nhận của cơ quan công an cấp xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh cấp về việc đăng ký thường trú hoặc Bản sao công chứng thẻ căn cước công dân và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú đối với đối tượng sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

3.2. Đối tượng được giảm 70% học phí:

- Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu).
- Bản sao công chứng Giấy khai sinh.
- Bản sao công chứng Giấy xác nhận vùng đặc biệt khó khăn do Ủy ban nhân dân cấp xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh cấp theo quy định.
- Bản sao công chứng Giấy xác nhận của cơ quan công an cấp xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh về việc đăng ký thường trú hoặc Bản sao công chứng thẻ căn cước công dân và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú.

3.3. Đối tượng được giảm 50% học phí:

- Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu).
- Giáo viên chủ nhiệm các lớp hoàn thiện phần hồ sơ còn lại theo giấy tờ sinh viên đã nộp từ đầu khoá học/ năm học gồm: bản sao giấy khai sinh, bản sao công chứng

Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do cơ quan bảo hiểm xã hội cấp.

4. Quy trình xét miễn giảm học phí

STT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian dự kiến hoàn thành	Sản phẩm
1.	Cập nhật các văn bản, tài liệu hướng dẫn liên quan đến giải quyết chế độ miễn giảm học phí cho sinh viên. (nếu có)	Cán bộ phụ trách	Tháng 8/2025	Văn bản hướng dẫn
2.	Gửi thông báo về lớp và tiến hành thu hồ sơ xét miễn giảm học phí.	GVCN/CVHT	HKII: 23/12/2025	Hồ sơ xét miễn giảm học phí của sinh viên.
3.	Các GVCN/CVHT tổng hợp danh sách theo mẫu gửi về cho Cán bộ phụ trách.	GVCN/CVHT	HKII:05/01/2026	Bản tổng hợp DS đề nghị xét miễn giảm học phí.
4.	Cán bộ phụ trách kiểm tra rà soát đối tượng và tổng hợp danh sách mời hội đồng học xét miễn giảm học phí.	Cán bộ phụ trách	HKII:12/01/2026	Bản tổng hợp DS đề nghị xét miễn giảm học phí toàn trường. Giấy mời, tài liệu họp
5.	Hội đồng xét miễn giảm học phí.	Hội đồng khen thưởng, kỷ luật và giải quyết chế độ chính sách cho sinh viên.	HKII:14/01/2026	BB họp
6.	GVCN/CVHT gửi lại danh sách miễn giảm học phí sau khi hội đồng học và tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên (nếu có).	GVCN/CVHT	HKII: 19/01/2026	Ý kiến phản hồi của sinh viên (nếu có).
7.	Cán bộ phụ trách báo cáo hội đồng giải quyết các phản hồi của sinh viên và soạn QĐ miễn giảm học phí, hoàn thiện hồ sơ gửi các bên liên quan.	Cán bộ phụ trách	HKII:20/01/2026	Quyết định miễn giảm học phí.
8.	Thông báo công khai cho sinh viên và các bên liên quan QĐ miễn giảm học phí.	P.QLĐTĐH	HKII:20/01/2026	Quyết định đăng website.
9.	Lưu hồ sơ.	P.QLĐTĐH	Hết khóa học	Bộ hồ sơ hoàn chỉnh.

* Phòng Quản lý Đào tạo Đại học thông báo tới các sinh viên hệ chính quy thuộc các đối tượng trên nộp hồ sơ theo đúng đối tượng về cho **Giáo viên chủ nhiệm chậm nhất trước 10h ngày 05/01/2026.**

* Mọi vấn đề thắc mắc liên hệ ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Nhung – Phòng Quản lý Đào tạo Đại học A.104 – SĐT: 02253.731.168

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan (để phối hợp);
- Các lớp sinh viên (để thực hiện);
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

TL.HIỆU TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
PGS. TS. *Nguyễn Thị Thắm*

